

(Kèm theo Báo cáo số 245/BC-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2026 của UBND phường Trà Cầu)

DVT: triệu đồng

[illegible]

	Trường TH Phổ Thuận	73	73			73													0
	Trường TH Phổ Quang	69	69			69													0
	Trường TH Phổ An	49	49			49													0
	Trường THCS Phổ Thuận	318	318			318													0
	Trường THCS Phổ Quang	475	475			475													0
	Trường THCS Phổ An	551	551			551													0
	Trường THCS Phổ Văn	410	410			410													0
	Phòng Văn hoá - Xã hội	2.084	1.814			1.339									475				14
	Nguồn chưa phân bổ	8.336	8.336	108		7.235	993												0
II. 2	Sự nghiệp y tế	192	192	0		192	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trạm y tế phường	192	192			192													0
II. 3	Chi quản lý hành chính	9.981	9.195	0		7.287	179	0	350	0	0	0	0	0	0	0	1.379	0	39
	Văn phòng Đảng uỷ phường	2.926	2.665			2.244											421		13
	UBMT TQVN phường	2.235	2.105			1.945											160		7
	Văn phòng HĐND và UBND phường	3.703	3.463			2.768			350								345		12
	Phòng Văn hoá - Xã hội	763	653			263											390		6
	Phòng Kinh tế , Hạ tầng và Đô thị phường	219	199			179											20		1
	Trung tâm phục vụ Hành chính công phường	135	110			67											43		1
4	Chi sự nghiệp phát thanh	274	182	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	182	0	5
	Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công phường	274	182														182		5
5	Sự nghiệp văn hoá thông tin	465	360	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	360	0	5
	Phòng Văn hoá - Xã hội	60	30														30		2
	Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công phường	405	360														360		2
6	Sự nghiệp thể thao	261	256														256		0
	Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công phường	261	256														256		0
8	Chi đảm bảo xã hội (kể cả cán bộ xã nghi việc)	85.842	85.714	0		0	85.324	0	0	0	0	0	0	0	0	0	390	0	6
	Phòng Văn hoá xã hội	85.687	85.559				85.169										390		6
	Phòng Kinh tế , Hạ tầng và Đô thị phường	155	155				155												0
9	Chi An ninh	1.044	825	204			150										471		11
10	Chi quốc phòng	817	666	81			130										455		8
11	Chi sự nghiệp kinh tế	8.397	6.754	0		0	2.953	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.052	2.749	82
	Phòng Kinh tế , Hạ tầng và Đô thị phường	6.231	4.956				2.953										544	1.459	64
	Phòng Văn hoá - Xã hội	15	8														8		0
	Ban An toàn GT	100	50														50		3
	Trung tâm Cung ứng Dịch vụ	2.051	1.740														450	1.290	16
12	Chi sự nghiệp môi trường	701	350	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	350	0	18
	Phòng Kinh tế , Hạ tầng và Đô thị phường	601	300														300		15
	Ủy ban MTTQ phường	100	50														50		3
13	Chi khác ngân sách	359	318	0		0	0	0	0	0	0	0	0	10	0	0	266	42	2
	Phòng Văn hoá - Xã hội	78	58														16	42	1
	Văn phòng HĐND và UBND phường	281	260											10			250		1
	Nguồn thu phí được khấu trừ để lại theo quy định của pháp luật phí, lệ phí																		
	Nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại																		

Ghi chú:

- (1) Bao gồm: kinh phí tinh giản biên chế; học bổng, chế độ, chính sách cho học sinh, sinh viên; chi hỗ trợ nhân sỹ khó khăn; tiền ăn, tiền thưởng theo chế độ quy định, tiền thuê chuyên gia, tiền công và các khoản chi cho con người khác; tiền công và các khoản chi cho con người của các cuộc điều tra thống kê, thực hiện các chính sách về bảo vệ và phát triển rừng; các khoản phụ cấp đặc thù của từng ngành kể cả bằng tiền và hiện vật; kinh phí cấp bù miễn, giảm học phí theo chế độ quy định; quỹ nhuận bút, giải thưởng văn học, nghệ thuật...
- (2) Kinh phí các hoạt động phục vụ công tác y tế dự phòng (phòng chống dịch, bệnh truyền nhiễm, các nhiệm vụ đặc thù chuyên môn cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, an toàn thực phẩm, công tác dân số, các nhiệm vụ mua vắc xin, kiểm nghiệm thuốc, nước, dược phẩm...); kinh phí hoạt động chỉ đạo tuyển, hướng dẫn hỗ trợ chuyên môn, chuyển giao kỹ thuật, luân phiên cán bộ chuyên môn từ bệnh viện tuyển trên về hỗ trợ các bệnh viện tuyển dưới nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh đã được duyệt; kinh phí khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc cho bệnh nhân Tâm thần, Phong, Lao tại các cơ
- (3) Kinh phí phí thực hiện Pháp lệnh số 01/2022/UBTVQH15 về trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc đưa người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi và cơ sở cai nghiện bắt buộc; kinh phí thực hiện Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15 về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân; kinh phí hỗ trợ phục vụ cho công tác họp xét tha tù trước thời hạn có điều kiện do Tòa án thực hiện theo quy định của Bộ Luật Hình sự sửa đổi; kinh phí hỗ trợ thi hành án tử hình;

